TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2025
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dinh và ông Ngô Minh Hoan.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Lê S** năm 1978; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; số CCCD: 034178008178.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Tiến D** sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; số CCCD: 034073006549.

(Chị L và anh D đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 25/12/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc ở gia đình nhà anh D. Khoảng đầu năm 2024, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, ngoài ra anh D có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để cả hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Trần Tiến Đ sinh ngày 22/10/2001 và Trần Tiến D1 sinh ngày 05/11/2011. Con chung Trần Tiến Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Trần Tiến D1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

* Bị đơn là anh Trần Tiến D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn chị L vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn.
- Về con chung: Anh đồng ý giao con chung Trần Tiến D1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê K yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên toà sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án xử cho ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn; Bị đơn không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, không có yêu cầu phản tố; nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định của pháp luật; không chia tài sản khi ly hôn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Về yêu cầu ly hôn: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 25/12/1999 – đây là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của chị L và anh D đều cho thấy, quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đều chấp nhận ly hôn. Điều đó chứng tỏ, hôn nhân giữa chị L và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tranh chấp nuôi con khi ly hôn: Chị L và anh D có 02 con chung là Trần Tiến Đ sinh ngày 22/10/2001 và Trần Tiến D1 sinh ngày 05/11/2011. Hiện con chung Trần Tiến Đ đã trưởng thành, con chung Trần Tiến D1 đang sống với chị L, cháu D1 có nguyện vọng của ở với chị L vì vậy, để đảm bảo lợi ích của cháu D1 nên cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị Lê K yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu D1 nên cần được ghi nhận.

[3]. Về án phí: Chị Lê phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Tiến D.

2. Về con chung: Giao con Trần Tiến D1 sinh ngày 05/11/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị Lê K yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Về án phí: Chị Trần Thị Lê P chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002458 ngày 03/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thái Hưng;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh